

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
Chuyên khoa I chuyên ngành Dược lý - Dược lâm sàng cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Dược lý - Dược lâm sàng cập nhật năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: Hand

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH DƯỢC LÝ - DƯỢC LÂM SÀNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 265/QĐ-ĐHYD ngày 15 tháng 2 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Dược lý - Dược lâm sàng*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Pharmacology-Clinical Pharmacy*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa I*
6. Chuyên ngành đào tạo: *Dược lý - Dược lâm sàng*
7. Mã ngành đào tạo: *CK 60 73 05*
8. Thời gian đào tạo: *3 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung theo đợt*
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Dược lý - Dược lâm sàng*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Pharmacology - Clinical Pharmacy*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tâm nhìn	Luật Giáo dục đại học
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x		x

II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng: soạn thảo, hướng dẫn thực hiện, giám sát thực hiện các quy trình quản lý cung ứng, quản lý sử dụng thuốc; các mô hình thử nghiệm thuốc trên thực nghiệm và trên lâm sàng; Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát hoạt động cung ứng và sử dụng thuốc tại các cơ sở khám chữa bệnh; Tư vấn sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý, đúng qui định.	x	x	x
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x		x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 4	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	
PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong triển khai, đánh giá các quy trình thao tác chuẩn, các mô hình thử nghiệm thuốc, cung ứng, tư vấn và giám sát sử dụng thuốc.		x

II. Kỹ năng			
PLO 3	Thiết kế và đánh giá được một số thử nghiệm thuốc trên thực nghiệm và trên lâm sàng.		x
PLO 4	Phân tích và đánh giá được thực trạng sử dụng thuốc ở các cơ sở khám chữa bệnh.		x
PLO 5	Lập được kế hoạch cung ứng và sử dụng thuốc hợp lý cho các cơ sở khám chữa bệnh.		x
PLO 6	Tư vấn được cho nhân viên y tế và người bệnh về sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý và đúng qui định.		x
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành Dược lý- Dược lâm sàng.		x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 8	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	x	
PLO 9	Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành Dược lý - Dược lâm sàng.		x
PLO 10	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	x	

V. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
PEO 1	x	x					x			
PEO 2			x	x	x	x				
PEO 3							x			
PEO 4								x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Điều kiện tuyển sinh

- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Dược.
- Có thời gian công tác trong chuyên ngành từ 12 tháng trở lên.
- Tuổi đời không quá 45 tuổi với nữ, và không quá 50 tuổi đối với nam.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định tại Thông tư liên Bộ y tế, ĐHTHCHN và dạy nghề số 10/TTLB ngày 18/8/1989 và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/5/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Điều kiện tốt nghiệp

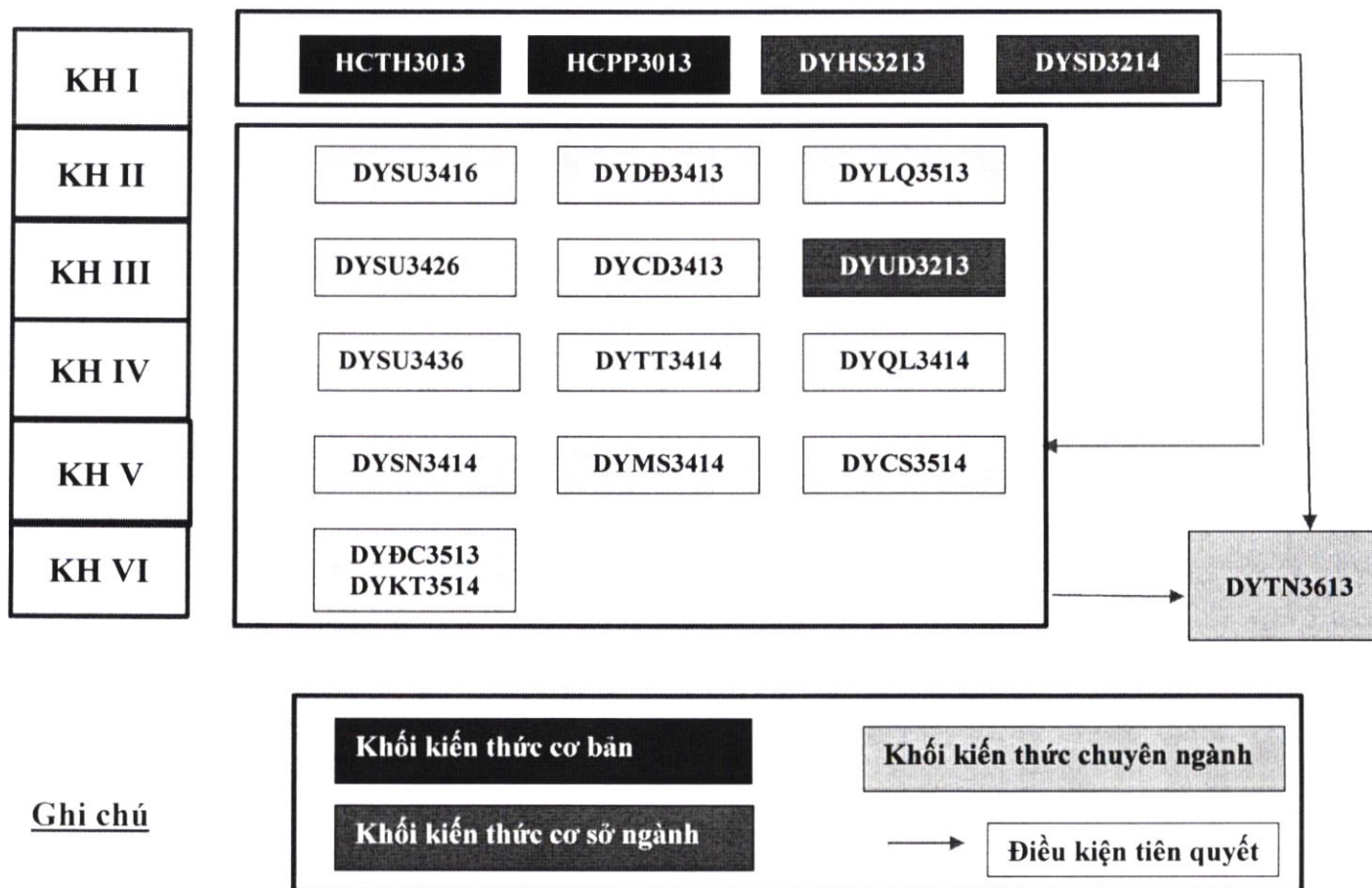
- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ.
- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I	Khối kiến thức cơ bản: 6 (5/1) 8,57 %									
1	HCTH 3013	Triết học	(3/0)	45	0	105				I
2	HCPP 3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	(2/1)	30	30	90				I
II	Khối kiến thức cơ sở ngành: 10 (6/4) 14,29 %									
3	DYUD 3213	Ứng dụng PK/PD trong sử dụng kháng sinh	(2/1)	30	30	90				III
4	DYHS 3213	Hóa sinh lâm sàng	(2/1)	30	30	90				I
5	DYSD 3214	Sinh dược học bào chế	(2/2)	30	60	110				I
III	Khối kiến thức chuyên ngành									
3.1	Học phần CN bắt buộc: 40 (18/22) 57,14 %									
6	DYQL 3414	Quản lý cung ứng thuốc tại cơ sở điều trị	(2/2)	30	60	110				IV

7	DYCD 3413	Các dạng bào chế hiện đại	(1/2)	15	60	75				III
8	DYSU 3416	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	(2/4)	30	120	150				II
9	DYSU 3426	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	(2/4)	30	120	150				III
10	DYSU 3436	Sử dụng thuốc trong điều trị 3	(2/4)	30	120	150				IV
11	DYMS 3414	Một số mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc	(2/2)	30	60	110				V
12	DYTT 3414	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	(2/2)	30	60	110				IV
13	DYDD 3413	Dược động học lâm sàng	(1/2)	15	60	75				II
14	DYSN 3414	Sử dụng thuốc cổ truyền an toàn, hiệu quả trong lâm sàng	(2/2)	30	60	110				V
3.2	Học phần CN tự chọn: 14 (8/6) 15,71 %									
15	DYCS 3514	Chăm sóc dược	(2/2)	30	60	110				V
16	DYDC 3513	Độc chất học	(2/1)	30	15	90				VI
17	DYKT 3514	Kinh tế y tế	(2/2)	30	60	110				VI
18	DYLQ 3513	Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học	(2/1)	30	15	90				II
IV	Tốt nghiệp: 3 (1/2) 4,29%									
19	DYTN 3613	Tốt nghiệp	(1/2)	15	60	75		Các HP I, II, III		VI

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
1	HCTH3013	M									M
2	HCPP3013	M								H	M
3	DYUD3213		M	M	M		H				H
4	DYHS3213		H	M	M			M		M	
5	DYSD3214		M	M	M	M	H		M		H
6	DYQL3414		H		H	H		M			M
7	DYCD3413		M	M		M	H		M		H
8	DYSU3416		H			H	H	H	M	M	M
9	DYSU3426		H			H	H	H	M	M	M
10	DYSU3436		H			H	H	H	M	M	M
11	DYMS3414		M	H				M	M	M	M
12	DYTT3414		M		H	M	H	H	M	M	M
13	DYDD3413		M		H	M	H	M	M	M	M
14	DYSN3414		M		M		H		M	M	M
15	DYCS3514		M				M	M	M	M	
16	DYĐC3513		M	M		M	M		H	M	H
17	DYKT3514		M			M	M		H		M
18	DYLQ3513		H		M		H		M	M	M
19	DYTN3613	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Thuyết trình	x	x						x	x	x
Bài tập tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Đóng vai						x	x		x	
Thực hành theo bảng kiểm	x	x	x	x	x	x	x		x	

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	Ý thức học tập, vấn đáp	10%
Thường xuyên	1, 2, 3, 4, 5, 6	Trắc nghiệm, vấn đáp	10%
Giữa học phần	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10	Tự luận, báo cáo cá nhân, báo cáo thực hành, vấn đáp	30%
Kết thúc học phần	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10	Tự luận, báo cáo chuyên đề, vấn đáp	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
Thi trắc nghiệm	x	x		x	x	x				
Thi tự luận	x	x		x	x	x				
Thi vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x		x	
Báo cáo chuyên đề	x	x	x	x	x		x	x	x	x
Báo cáo thực hành			x	x	x	x	x	x	x	x
Báo cáo cá nhân			x	x	x		x	x	x	x
Báo cáo nhóm			x	x	x		x	x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

Mô tả	Trường ĐHYD ĐH Thái Nguyên		Trường ĐHYD TP HCM		Trường ĐHD Hà Nội		Trường ĐHYD Cần Thơ	
	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	ĐVHT	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức chung	6	8,57	24	24,0	8	12,1	9	12,9
Kiến thức cơ sở ngành	10	14,29	26	26,0	12	18,2	12	17,1
Kiến thức chuyên ngành	51	72,86	35	35,0	31	47,0	39	55,7
Tốt nghiệp	3	4,29	15	15,0	15	22,7	10	14,3
Tổng	70	100	100	100	66	100	70	100

2. *Đôi sánh kết quả khảo sát các bên liên quan*

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Số môn học tự chọn còn ít	Tăng cường các môn học tự chọn
Cựu người học	Tăng thời gian thực hành	Tăng số tín chỉ thực hành
Nhà tuyển dụng	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Giảng viên	Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Xây dựng thời lượng các môn học thực hành tăng lên

XII. Mô tả tóm tắt các học phần thuộc chương trình đào tạo

1. *Triết học*

Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản được giảng dạy ở kỳ học I năm thứ nhất của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước đang đặt ra trong quá trình xây dựng và đổi mới. Phương pháp dạy - học: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá học phần là báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2. *Phương pháp giảng dạy lâm sàng*

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy - học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành, truyền đạt được tri thức về chuyên môn cho đồng nghiệp và nhân viên y tế. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 10 (mức độ trung bình), 9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

3. Ứng dụng PK/PD trong sử dụng kháng sinh

Học phần Ứng dụng dược động học/dược lực học (PK/PD) trong sử dụng kháng sinh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học III của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về PK/PD, công thức tính các chỉ số PK/PD cơ bản, ý nghĩa của các chỉ số PK/PD. Đồng thời, học phần này cũng giúp người học nắm được các chỉ số PK/PD của một số nhóm kháng sinh, ứng dụng của các chỉ số này trong quá trình lựa chọn thuốc và thiết kế phác đồ điều trị. Từ những kiến thức cơ bản này giúp người học có thể lựa chọn thuốc, thiết kế phác đồ điều trị và hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn và hợp lý trong quá trình thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích ca lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận và báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4 (mức độ trung bình), 6, 10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

4. Hóa sinh lâm sàng

Học phần Hóa sinh lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này giúp người học vận dụng được kiến thức về Hóa sinh trong phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm; vận dụng được nguyên tắc của các kỹ thuật xét nghiệm thường quy và một số kỹ thuật xét nghiệm thuộc Hóa sinh trong thực hiện, biện luận kết quả xét nghiệm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành dựa vào bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, thực hành theo bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2 (mức độ cao), 3, 4, 7, 9 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

5. Sinh dược học bào chế

Học phần Sinh dược học bào chế thuộc khối kiến thức cơ sở, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sinh dược học các dạng thuốc như: thuốc tiêm, thuốc nhãn khoa, thuốc đặt, thuốc dùng qua đường hô hấp, thuốc dùng qua da, các dạng thuốc rắn dùng qua đường tiêu hóa. Phần thực hành, giúp người học có khả năng đánh giá được ảnh hưởng của các yếu tố sinh học, dược học đến sinh khả dụng của thuốc. Qua đó, người học vận dụng được các kiến thức về sinh dược học bào chế để cải thiện sinh khả dụng của thuốc khi nghiên cứu xây dựng công thức, tư vấn lựa chọn thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc

hợp lý, an toàn, hiệu quả. Các phương pháp dạy- học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu, thực hành dựa vào bảng kiểm. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm viết tiểu luận, báo cáo chuyên đề, đánh giá dựa vào bảng kiểm, bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 4, 5, 8 (mức độ trung bình); 6, 10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

6. Quản lý cung ứng thuốc tại cơ sở điều trị

Học phần Quản lý cung ứng thuốc tại cơ sở điều trị thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học thứ IV của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về các phương pháp phân tích, xử lý số liệu... áp dụng trong hoạt động cung ứng thuốc tại cơ sở điều trị. Các phương pháp phân tích quản trị học vận dụng trong lập kế hoạch hoạt động của Khoa Dược bệnh viện, Hội đồng thuốc & Điều trị bệnh viện và những kỹ năng xây dựng qui trình, sử dụng qui trình và đánh giá các qui trình quản lý sử dụng thuốc. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là: thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: Tự luận, trắc nghiệm, đánh giá chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 7, 10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2, 4,5 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

7. Các dạng bào chế hiện đại

Học phần các dạng bào chế hiện đại thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học III của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ cung cấp cho người học các kỹ năng cơ bản về bào chế, sản xuất, đánh giá chất lượng các dạng bào chế hiện đại như: viên nén đặc biệt, thuốc giải phóng kéo dài, thuốc tác dụng tại đích. Qua đó người học có kỹ năng tư vấn lựa chọn, sử dụng đúng các dạng bào chế của thuốc nhằm phát huy cao nhất hiệu lực điều trị, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho người dùng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thực hành dựa vào bảng kiểm, phân tích công thức, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm lượng giá dựa vào bảng kiểm, báo cáo cá nhân, báo cáo nhóm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 5, 8 (mức độ trung bình), 6, 10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

8. Sử dụng thuốc trong điều trị 1

Học phần Sử dụng thuốc trong điều trị 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học II của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về sinh lý bệnh của một số bệnh tim mạch, hô hấp,

tiêu hóa và đặc điểm của các nhóm thuốc tác dụng trên các nhóm bệnh này (về liên quan cấu trúc - tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, độc tính), từ đó hình thành kỹ năng lựa chọn, tư vấn và hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh hoặc nhóm bệnh cụ thể. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, báo cáo chuyên đề, lượng giá bằng bảng kiểm, vấn đáp. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 5, 6, 7 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

9. Sử dụng thuốc trong điều trị 2

Học phần Sử dụng thuốc trong điều trị 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học III của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về sinh lý bệnh của một số bệnh nhiễm khuẩn, nhiễm nấm, virus, bệnh ung thư và đặc điểm của các nhóm thuốc tác dụng trên các nhóm bệnh này (về liên quan cấu trúc - tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, độc tính), từ đó hình thành kỹ năng lựa chọn, tư vấn và hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh hoặc nhóm bệnh cụ thể. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, báo cáo chuyên đề, lượng giá bằng bảng kiểm, vấn đáp. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 5, 6, 7 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

10. Sử dụng thuốc trong điều trị 3

Học phần Sử dụng thuốc trong điều trị 3 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học IV của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về sinh lý bệnh của một số bệnh cơ - xương - khớp, tâm thần - thần kinh, rối loạn chuyển hóa và đặc điểm của các nhóm thuốc tác dụng trên các nhóm bệnh này, từ đó hình thành kỹ năng lựa chọn, tư vấn và hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh hoặc nhóm bệnh cụ thể. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, báo cáo chuyên đề, lượng giá bằng bảng kiểm, vấn đáp. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 5, 6, 7 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

11. Một số mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc

Học phần Một số mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học V của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những phương pháp nghiên cứu dược lý để xác định các hoạt tính dược lý của các chế phẩm, hoạt chất...có thể sử dụng làm thuốc chữa bệnh, đồng thời nhận biết và loại bỏ các chất không có hoạt tính. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hiện thao tác kỹ thuật. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, báo cáo chuyên đề, lượng giá bằng bảng kiểm, thực hiện thao tác kỹ thuật, vấn đáp. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 7, 8, 9, 10 (mức độ trung bình), 3 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

12. Thông tin thuốc và cảnh giác dược

Học phần Thông tin thuốc và cảnh giác dược thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học IV của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về về thu thập, phân tích thông tin báo cáo phản ứng có hại của thuốc, các sai sót liên quan đến sử dụng thuốc, từ đó có khả năng đề xuất các biện pháp để phòng ngừa và quản lý các biến cố này. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, thu thập bệnh án, phát hiện và báo cáo ADR, phân tích báo cáo ADR. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm bài tập cá nhân, bài tập nhóm và báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 5, 8, 9, 10 (mức độ trung bình), 4, 6, 7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

13. Dược động học lâm sàng

Học phần Dược động học lâm sàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học IV của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức chuyên sâu về dược động học cũng như lựa chọn thuốc theo nguyên lý dược động học nhằm tối ưu hóa việc dùng thuốc theo từng cá thể bệnh nhân. Phần thực hành nhằm minh họa cho lý thuyết về sự lựa chọn thuốc theo nguyên lý dược động học nhằm tối ưu hóa việc dùng thuốc theo từng cá thể bệnh nhân. Các phương pháp dạy - học chủ yếu ở học phần là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập cá nhân và làm bài tập nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trả lời

trắc nghiệm MCQ, tự luận và làm tiểu luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 5, 7, 8, 9, 10 (mức độ trung bình), 4, 6 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

14. Sử dụng thuốc cổ truyền an toàn, hiệu quả trong lâm sàng

Học phần sử dụng thuốc cổ truyền an toàn, hiệu quả trong lâm sàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học V của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về các học thuyết Y học cổ truyền, các phương pháp chế biến thuốc cổ truyền, các tác dụng không mong muốn và cách sử dụng một số nhóm thuốc trong công tác phòng, điều trị bệnh đảm bảo an toàn, hiệu quả. Đồng thời, giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng an toàn, hiệu quả thuốc cổ truyền trong lâm sàng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm, thực hành trên các ca lâm sàng tại phòng thí nghiệm và tại khoa Y học cổ truyền tại các Bệnh viện. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 4, 8, 9, 10 (mức độ trung bình), 6 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

15. Chăm sóc dược

Học phần chăm sóc dược thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học V của CTĐT. Học phần này sẽ cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản và các phương pháp thu thập xử lý thông tin trong tư vấn khi thực hiện chăm sóc dược, phương pháp kiểm soát tương tác thuốc trên lâm sàng và cách theo dõi sử dụng thuốc trong điều trị cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan - thận, phương pháp xây dựng một kế hoạch điều trị hệ thống và liên tục bằng thuốc cho bệnh nhân trong điều trị một số bệnh mạn tính. Sau khi học xong học phần chăm sóc dược người học có khả năng thu thập được đầy đủ các thông tin trong tư vấn về thuốc điều trị, kiểm soát được tương tác thuốc có thể xảy ra và xây dựng được kế hoạch theo dõi điều trị ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan-thận, bệnh nhân mắc một số bệnh mạn tính như đái tháo đường, tăng huyết áp, hen phế quản..... Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, hướng dẫn thực tế và thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bài tập cá nhân, báo cáo chuyên đề, trắc nghiệm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 6, 7, 8, 9 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

16. Độc chất học

Học phần Độc chất học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học V của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về đại cương độc chất học, phương pháp phát hiện các chất độc và đặc điểm một số chất độc thường gặp từ đó giúp người học có khả năng đưa ra hướng xử trí và tư vấn cho nhân viên y tế biện pháp xử trí kịp thời đối với các trường hợp ngộ độc cụ thể, đồng thời phục vụ cho công tác điều tra, tư pháp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích ca lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận và báo cáo chuyên đề, bảng kiểm, vấn đáp. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 3, 5, 6, 9 (mức độ trung bình), 8, 10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

17. Kinh tế y tế

Học phần Kinh tế y tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ VI của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức cơ bản về kinh tế y tế và phương thức vận dụng kiến thức kinh tế y tế để chuẩn bị các nguồn lực y tế cho công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Bên cạnh đó học phần cũng trang bị cho người học các phương pháp phân tích chi phí, phương thức chi trả và đánh giá kinh tế y tế, dự báo kinh tế y tế.... Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình; Bài tập tình huống; Thảo luận nhóm; Games. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm: Tự luận, trắc nghiệm, đánh giá chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 5, 6, 10 (mức độ trung bình), 8 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

18. Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học

Học phần Liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học thuộc khối kiến thức chuyên ngành (tự chọn), được dạy - học ở kỳ học II của chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho người học cơ sở khoa học về các nghiên cứu định tính liên quan cấu trúc - tác dụng sinh học của thuốc và mối liên quan giữa cấu trúc- tác dụng sinh học của một số nhóm thuốc từ đó hình thành kiến thức, kỹ năng lựa chọn, tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh hoặc nhóm bệnh cụ thể. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, phân tích bệnh án nội trú và đơn thuốc ngoại trú và thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, vấn đáp, tự luận thông qua các bài test, bài tập cá nhân, bài tập

nhóm, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống và báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 6 (mức độ cao); 4, 8, 9, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

19. Tốt nghiệp

Học phần Tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học VI của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ giúp người học hệ thống hóa lại những kiến thức, kỹ năng đã được học trong toàn bộ chương trình đào tạo và vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đó trong xử lý, giải quyết một số tình huống có thể gặp trong thực tế nghề nghiệp thông qua 01 báo cáo tốt nghiệp, thực hiện đồng thời trong thời gian người học học các kiến thức chuyên ngành. Người học dưới sự hướng dẫn của giảng viên đề xuất hướng nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập từ học kỳ V của chương trình đào tạo, báo cáo kết quả nghiên cứu tại cuối kỳ học VI. Thực hiện theo các quy định trong Quyết định số 1669/QĐ-ĐHYD ngày 05/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.





XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có 72 người tham gia giảng dạy CTĐT chuyên khoa I Dược lý- Dược lâm sàng, trong đó có 01 giáo sư, 04 phó giáo sư, 10 tiến sĩ, 03 BSCK2 và DSCKII. Học viên học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thực tập, phòng nghiên cứu của các Bộ môn và bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu về cơ bản đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho học viên chuyên khoa I. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng học đa năng, giảng đường thông minh, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn).

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: 10/10/2020

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Cập nhật đề cương			
2	Chỉnh sửa bản mô tả CTĐT, chuyển từ niên chế sang tín chỉ.	10/4/2021	Hoàng Thị Cúc	Trần Văn Tuấn
3	Cập nhật tài liệu tham khảo			
4	Chỉnh sửa bản mô tả CTĐT theo CV 1260/ĐHYD-TTKT.	15/10/2021		

XVI. Thành phần phê duyệt

Ban Giám hiệu

Hội đồng Khoa/Bộ môn

Tổ trưởng xây dựng/
rà soát



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng



Đồng Thị Hoàng Yến



Hoàng Thị Cúc

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I
CHUYÊN NGÀNH DƯỢC LÝ - DƯỢC LÂM SÀNG

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022